TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 10 năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại

Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình và nhiều lần đánh đập chị T. Mâu thuẫn căng thẳng và chị T đã đưa các con về bên ngoại ở nhờ, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 13 tháng 8 năm 2004, Nguyễn Đức T sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và Vũ Lê Quỳnh C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2019, chị T nhận nuôi ba con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Đức T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T. Giao con Nguyễn Văn T sinh ngày 13 tháng 8 năm 2004, Nguyễn Đức T sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và Vũ Lê Quỳnh C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2019 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đức T. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án và cư trú tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt hợp lệ những tài liệu sau đối với anh T: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 và chị T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cở sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 10 năm 2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T sống không chung thủy với anh T. Năm 2019 chị T đã có đơn ly hôn anh T, Tòa án đã xử bác đơn của chị T để anh chị quay lại chung sống với nhau. Tuy nhiên từ đó đến nay anh chị vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau và không tìm được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh T. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và Vũ Lê Quỳnh C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2019. Xét thấy việc chị T nhận nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện. Chị T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Các con trên 07 tuổi có đơn xin ở với chị T, cháu Chi chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy cần giao các con cho chị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đức T.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn T sinh ngày 13 tháng 8 năm 2004, Nguyễn Đức T sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 và Vũ Lê Quỳnh C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2019 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đức T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011559 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Q, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến